TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Q** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 19/4/2023.
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH TIỀN GIANG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Võ Quí Quốc.

2/ Bà Lê Thị Bé bảy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Kiều, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2023/QĐXX-ST ngày 21/3/2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: **Chị Nguyễn Thị L1** - sinh năm: 1964.

Địa chỉ: Số 22 ấp N, xã M, thành phố Q, Tiền Giang.

* *Bị đơn*: **Anh Nguyễn Hùng L2** - sinh năm: 1964.

Địa chỉ: Số 456 Nguyễn Tri Phương, Phường 7, thành phố Q, Tiền Giang.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L1 trình bày: Chị và anh L2 sống chung vào năm 1990, do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M vào ngày 15/11/1989. Cuộc sống chung của vợ chồng chị rất hạnh phúc nhưng đến năm 1993 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, anh chị đã tìm nhiều cách để khắc phục nhưng không có kết quả. Anh chị đã ly thân từ 1993 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L2

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1991, đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L1 khai không có.

* Bị đơn anh Nguyễn Hùng L2 vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ và không có bản tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị L1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị L1 khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh L2. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn" theo quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về thẩm quyền gải quyết: Bị đơn đang cư trú tại số 456 Nguyễn Tri Phương, Phường 7, thành phố Q, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân thành phố Q có thẩm quyền giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Chị L1 có đơn xin xét xử vắng mặt, anh L2 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do đó căn cứ Điều 228 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị L1, Tòa xét thấy: Chị L1 trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng ý kiến, thường xuyên cụ cãi nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh chị đã ly thân từ năm 1993. Tòa án đã triệu tập anh L2 nhiều lần nhằm tạo điều kiện cho anh chị hàn gắng mối quan hệ vợ chồng nhưng anh L2 vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của chị L1. Qua đó cho thấy, anh L2 không có thành ý cứu vãn mối quan hệ hôn nhân với chị L1. Do đó, Tòa án xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị là trầm trọng không thể hàn gắng được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của chị L1, cho chị L1 được ly hôn với anh L2.

[5] Về con chung: Đã trưởng thành lao động được nên chị L1 không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L1 khai không có nên Toà án không xem xét.

[7] Về án phí: Chị L1 phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L1.

Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị L1 được ly hôn với anh Nguyễn Hùng L2.

2. Án phí: Chị Nguyễn Thị L1 phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0023323 ngày 06/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cao Thị Thu Thủy

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND thành phố Q;
- Chi cục THADS thành phố Q;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn (8b).